TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EAKAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2023/HNGĐ – ST
Ngày: 26/04/2023
V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Long.

- Các Hội thẩm nhân dân: ông Y Yâo BKrông và ông Nguyễn Thế Hằng

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Hoài Đông – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện EaKar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 26/04/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 485/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/03/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/04/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975. Địa chỉ: TDP H, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: ông Đặng Xuân B, sinh năm 1971. Địa chỉ: TDP H, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà* Nguyễn Thị H *trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Đặng Xuân B sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 20/10/1997. Trong cuộc sống hôn nhân do vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả vì ông Bình thường vắng nhà không chăm lo cho gia đình và con cái, ra ngoài vay mượn

khắp nơi không biết với mục đích gì làm ảnh hưởng đến kinh tế và hạnh phúc gia đình. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng để tiếp tục cuộc sống hôn nhân nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, tôi và ông B đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông B.

Về con chung: Chúng tôi có ba con chung là Đặng Xuân T - sinh ngày 10/07/1997; Đặng Xuân Đ - sinh ngày 04/02/1999 và Đặng Xuân T1 - sinh ngày 12/10/2015. Trong đó, con chung Đặng Xuân T và Đặng Xuân Đ đã thành niên, có thể tự lao động nuôi sống bản thân nên tôi không yêu cầu giải quyết. Đối với Đặng Xuân T1 tôi có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi Đặng Xuân T1 đủ 18 tuổi. Tôi không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Đặng Xuân B đã được Tòa án nhân dân huyện Ea Kar tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn cũng không tiến hành hòa giải được để các đương sự đoàn tụ và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện EaKar đã ban hành các văn bản tố tụng, triệu tập các đương sự để tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nhưng bị đơn không tham gia để giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đặng Xuân B vắng mặt lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt các đương sự.

*** Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Đặng Xuân B.

- Về con chung: Giao con chung Đặng Xuân T1 sinh ngày 12/10/2015 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng trong quá trình giải quyết vụ án bà H không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện EaKar giải quyết việc hôn nhân, con chung đối với ông Đặng Xuân B, đơn khởi kiện của bà H được Tòa án nhân dân huyện EaKar xác định quan hệ pháp luật là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"*, được quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện EaKar.

Tòa án nhân dân huyện EaKar đã tiến hành tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐST – HNGĐ, ngày 29 tháng 03 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2023/QĐST – HNGĐ, ngày 11 tháng 04 năm 2023 cho các đương sự. Tuy nhiên tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị H và ông Đặng Xuân B tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 20/10/1997 nên là hôn nhân hợp pháp. Theo bà H xác định trong cuộc sống hôn nhân do vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng để tiếp tục cuộc sống hôn nhân nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được và cả hai đã sống ly thân với nhau từ tháng năm 2018 đến nay. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H có nguyện vọng được ly hôn với ông Đặng Xuân B.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định nguyên nhân mâu thuẫn của bà H và ông B là về kinh tế, vợ chồng làm ăn thua lỗ nên vợ chồng thường xuyên bất đồng, cãi vả. Cả hai vợ chồng đã sống ly thân được 7 năm.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Đặng Xuân B là có căn cứ.

Về con chung: Bà H và ông B có ba con chung là Đặng Xuân T - sinh ngày 10/07/1997; Đặng Xuân Đ - sinh ngày 04/02/1999 và Đặng Xuân T1 sinh ngày 12/10/2015, con chung Đặng Xuân T và Đặng Xuân Đ đã thành niên, có thể tự lao động nuôi sống bản thân nên tôi không yêu cầu giải quyết. Đối với Đặng Xuân T1 sinh ngày 12/10/2015, hiện còn nhỏ nên bà H có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Tại bản tự khai, cháu T1 hiện nay đang ở với bà H và có nguyện vọng tiếp tục được ở với mẹ là Nguyễn Thị H. Để đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh về tâm, sinh lý, cũng như để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên cần giao cháu Đặng Xuân T1 sinh ngày 12/10/2015 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi) là phù hợp với quy định của pháp luật

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết

Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đề cập.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Đặng Xuân B.

2. Về con chung: Giao con chung Đặng Xuân T1 sinh ngày 12/10/2015 cho bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Ông Đặng Xuân B được quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được cản trở. Tuy nhiên, ông Đặng Xuân B không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0020353 ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh ĐắkLắk;
-VKSND huyện EaKar;
-THADS huyện EaKar;
- UBND TT E;
-Đương sự;
-Lưu HS.

T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Long